



**NGUYỄN TUẤN KHANH**

## TRANG SỬ ĐỜI TRẦN

**T**rong quá trình dựng nước và giữ nước, đời Trần là một triều đại đã làm cho dân Việt hãnh diện khi nhắc đến ba chiến công hiển hách tiêu diệt quân Mông Cổ, một đội quân bách chiến bách thắng, đi tới đâu thì giết chóc, phá hủy tới đó như chúa Mông Cổ Attila đã từng nói: "*Nơi nào voi ngựa Mông Cổ đi qua, nơi đó cỏ cây không mọc được*".

Vào đầu thế kỷ thứ 13, Mông Cổ trở thành một đế quốc rộng lớn sau khi diệt Tây Liêu, Tây Hạ, đánh Yên Kinh, diệt Hồi Hồi, chiếm A Phú Hãn, Ba Tư, Iran, Nga, phá liên quân Bắc Âu, chiếm Áo, Đức, Bảo Gia Lợi, Ba Lan, Hung Gia Lợi, diệt Đại Lý, đánh Thổ Phồn, chiếm nước Kim, diệt Đại Thục, diệt Tống, chiếm Trung Quốc.

Đội quân thiện chiến Mông Cổ, lúc đó làm bá chủ gần nửa thế giới, nhưng đã phải bỏ mộng xâm lăng sau ba lần thất bại dưới tay quân dân Đại Việt. Những trận đánh oai hùng đó của đời Trần đã được sử sách ghi như sau:

### PHÁ GIẶC MÔNG CỔ

**S**au khi chiếm được Đại Lý, quân Mông Cổ đã có mưu đồ xâm chiếm nước ta. Tháng 8 năm Đinh Tỵ (1257), Mông Cổ cho

sứ sang chiêu dụ vua Trần. Trại chủ Quy Hoa (nay là phía Tây Bắc Phú Thọ và một phần của Yên Bái) là Hà Khuất cho người báo tin về triều đình, vua Trần Thái Tông cho vời sứ Mông Cổ đến và bắt. Đến tháng 9, Mông Cổ cho sứ giả sang dụ hàng thêm lần nữa, bọn sứ thần này cũng bị bắt giam, sau đó nhà vua cử Trần Quốc Tuấn làm Tiết Chế chỉ huy quân thủy bộ ra trấn giữ vùng biên giới. Tháng 11, Mông Cổ cho sứ giả sang dụ hàng lần thứ ba, bọn sứ thần này cũng bị bắt giam nốt. Vua Thái Tông ra lệnh cho cả nước chuẩn bị đánh giặc.

Mông Cổ sai tướng Ngột Lương Hợp Thai (Uriyangqadai) đem 30 ngàn kỵ, bộ binh cùng nhiều tướng giỏi, từ Vân Nam chia làm hai đạo quân theo đường sông Lô, Bạch Hạc đến chiếm đóng ở Bình Lệ (nay là Bình Xuyên, Vĩnh Phúc). Vua Trần Thái Tông tự cầm quân đi tiên phong, cùng một số tướng giỏi rời thành Thăng Long tiến quân lên phía Bắc đánh giặc. Trong khi đó, Linh Từ quốc mẫu là Trần Thị Dung, vợ Thái Sư Trần Thủ Độ hướng dẫn triều đình, hoàng tộc cùng dân chúng trong kinh thành rời Thăng Long lánh nạn về Hồng Giang (nay là Ninh Bình).

Quân giặc đông và mạnh, tướng sĩ nhà Trần nao núng, chỉ có Lê Phụ Trần can đảm xông pha giữa trận tiền cùng nhà vua, sắc mặt vẫn bình thản như không. Lúc ấy có người khuyên nhà vua nên dừng lại để chỉ huy chiến đấu, Lê Phụ Trần khuyên vua nên tạm rút lui để bảo tồn lực lượng, nhà vua nghe theo, lui quân về đóng ở sông Lô.

Thế giặc càng ngày càng mạnh, quân ta lại phải lui về Thiên Mạc (khúc sông Hồng chảy qua vùng bãi Mạn Trù, nay thuộc xã Tân Châu, huyện Châu Giang, Hải Hưng). Vua ngự thuyền nhỏ đến hỏi kế sách Thái Úy Trần Nhật Hiệu, Nhật Hiệu khuyên "Nhập Tống" (hàng nhà Tống), vua rời thuyền đến hỏi Thái Sư Trần Thủ Độ, Thái Sư tâu với vua: "*Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác*", nhà vua yên tâm tiếp tục chống giặc.

Ngày 24, vua Trần Thái Tông cùng thái tử Hoảng dẫn quân ngược đường sông Nhị lên tiến đánh quân giặc ở Đông Bộ Đầu (có nghĩa là Bến Đông, nay thuộc khu vực chùa Hoè Nhai thuộc quận Ba Đình, Hà Nội). Quân Mông Cổ thua chạy về trại Quy Hóa, chủ



trại là Hà Bồng chiêu tập người Mường đánh úp phá tan quân giặc, tàn quân giặc trốn chạy về Vân Nam.

Sau khi đánh thắng được quân Mông Cổ, vua Trần Thái Tông ban thưởng cho những người có công đánh giặc, trại chủ Hà Bồng được phong tước Hầu, Lê Phụ Trần được phong làm Ngự Sử đại phu và được nhà vua gả công chúa Chiêu Thánh cho. Để tránh nạn can qua, tháng Giêng năm Mậu Ngọ (1258), vua Trần Thái Tông sai sứ sang thông hiếu với nhà Nam Tống và Mông Cổ, hạn định 3 năm tiến cống một lần.

## PHÁ GIẶC NGUYÊN LẦN I

**N**gày 24 tháng 2 năm Mậu Ngọ (1258), vua Trần Thái Tông truyền ngôi cho thái tử Hoàng. Thái tử Hoàng lên ngôi lấy hiệu là Thánh Tông, tôn vua cha làm Thái Thượng Hoàng.

Chúa Mông Cổ là Hốt Tất Liệt lên ngôi Hoàng Đế nhà Nguyên, xưng là Nguyên Thế Tổ vào năm Canh Thân (1260), sai sứ sang Đại Việt giao thiệp. Vua Trần sai sứ sang đáp lễ, nhận nộp lễ cống 3 năm 1 lần. Vua Nguyên phong cho vua Trần làm “An Nam Quốc Vương” và ban cho 3 tấm gương tây và 6 tấm gương kim thực.

Nhà Nguyên vốn vẫn có ý dòm ngó nước ta nên tháng 2 năm Bính Dần (1266), Nguyên Thế Tổ sai sứ sang Đại Việt, trách cứ về việc vua ta bắt giữ sứ giả ba lần trước, vua Trần Thánh Tông cử sứ sang đáp lễ và yêu cầu bãi bỏ việc tuyển cống nhân tài là nho sĩ, thầy bói và thợ khéo. Thủy quân của ta ở lộ Đông Hải đi tuần đến biên giới Ô Lơi (nay là phía Nam Quảng Đông), do đó biết được kỳ hạn của quân Nguyên sang xâm lấn nước ta.

Tháng 10 vua xuống chiếu cho phép các vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần, chiêu tập dân lưu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn đất hoang, lập làm điền trang. Từ đây, vương hầu bắt đầu có trang thực. Cũng nhờ chính sách này mà Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chiêu mộ được hai người gia nô thân tín làm cận vệ là Yết Kiêu và Dã Tượng, hai người này đã tích cực cùng Vương vào sanh ra tử chống quân Nguyên sau này. (Dã Tượng có nghĩa là voi rừng, Yết Kiêu là tên của một loại

chó săn ngắn mõm. Trong thời phong kiến, dùng tên thú để đặt cho người là nói lên địa vị gia nô thấp kém của họ).

Yết Kiêu người làng Hạ Bì, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, là người có sức khỏe và dũng cảm lạ thường. Ông nhà nghèo nên hằng ngày phải đi mò cua bắt ốc, bắt cá đem bán lấy tiền đóng gạo nuôi thân. Tương truyền một hôm ông thấy hai con trâu trắng húc nhau trên bãi cát, ông dùng đòn gánh phang, cả hai con trâu chạy biến xuống nước. Yết Kiêu biết hai con trâu mình vừa đánh là trâu thần, sờ lại đầu đòn gánh thấy còn dính vài cọng lông, ông liền nuốt lấy, từ đó ông bơi lặn giỏi, lội nước hàng mấy dặm như đi trên đất và thường lặn lội bắt cá, mò trai cả ngày dưới nước, Trần Quốc Tuấn biết tiếng nên thu nhận làm gia nô. Trong những lần giao tranh với quân Nguyên, Yết Kiêu thường lặn xuống biển một mình, dùng dùi đục thuyền địch cho chìm, không quản những lúc mùa đông giá rét.

Năm trước, sứ thần nước ta sang Nguyên triều điều đình về những việc triều cống phương vật và nhân tài, được nhà Nguyên bằng lòng, nhưng đến tháng 10 năm sau (Đinh Dậu, 1267), Nguyên Chúa lại đưa ra 6 yêu sách mới nặng nề hơn, đó là:

1. Quân trưởng phải sang châu.
2. Phải gọi con em nhà vua sang làm con tin.
3. Biên số dân.
4. Nạp phú thuế.
5. Chịu quân dịch.
6. Đặt quan Đạt Lô Cát Tề (quan trưởng giữ việc quân sự và hành chánh ở nước ta).

Những yêu sách này của nhà Nguyên đều bị vua ta từ chối. Tháng 12 năm Kỷ Tỵ (1269), nhà Nguyên sai sứ sang Đại Việt bàn về việc biên giới, vua Trần Thánh Tông sai Lê Đà và Đinh Cung Viên sang sứ nước Nguyên điều đình.

Năm 1271 Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên, lại tìm cớ để gây hấn nước ta, tháng 3 sai sứ sang Đại Việt đòi vua Trần sang châu, nhà vua nói thác là đang có bệnh nên không đi. Nhà Nguyên lại sai Ngột Lương (Uriyang) sang hỏi về cột đồng Mã



Viện. Triều đình sai Lê Kính Phu đi tìm rồi trả lời với nhà Nguyên là cột đồng đã mất dấu vết, không tìm được nữa.

Vào tháng 11 năm Ất Hợi (1275), quân coi giữ biên giới báo về kinh tin quân Nguyên đi tuần sát biên giới, dò xét địa thế của ta. Triều đình cử Lê Khắc Phục và Lê Túy Kim sang nước Nguyên lo liệu việc này và từ chối 6 yêu sách của vua Nguyên, nhà Nguyên giữ sứ giả của ta 2 năm mới cho về.

Tháng 2 năm Bính Tý (1276), triều đình cử Đào Thế Quang sang Long Châu (Trung Quốc), giả đi mua thuốc để dò xét tình hình nhà Nguyên, gặp đúng lúc quân Nguyên đánh chiếm được kinh đô nhà Nam Tống. Vua Tống là Triệu Bính còn nhỏ, được bọn di thần đưa chạy ra đảo Can Châu (nay thuộc huyện Ngô Xuyên, Quảng Đông) rồi mất. Nguyên Thế Tổ lại sai Háp Tán Nhi Hải Nha sang nước ta bắt phải theo 6 điều khoản như đã đề ra vào năm 1267 và bắt Thánh Tông sang châu, vua ta nhất quyết từ chối.

Tháng 4 năm Đinh Sửu (1277) Thượng Hoàng Thái Tông mất, Thánh Tông nhường ngôi cho Hoàng Thái Tử Khâm, lên làm Thái Thượng Hoàng, thái tử Khâm lên ngôi lấy hiệu Nhân Tông.

Sau khi nhà Nguyên diệt nhà Nam Tống vào năm Kỷ Mão (1279), tháng 11 năm đó, Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt chuẩn bị điều quân đánh chiếm Đại Việt.

Trong lúc triều đình ta đang lo chống ngoại xâm thì ở trong nước, vào tháng 10 năm Canh Thìn (1280), Chúa Mường Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản. Lúc đó Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật (em thứ 6 Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, mới 25 tuổi), đang trông coi đạo Đà Giang, ngầm đem thủ hạ đến. Trịnh Giác Mật biết được cho người đến quân doanh nói rằng nếu Trần Nhật Duật dám một mình một ngựa đến thì sẽ xin hàng. Trần Nhật Duật nhận lời, chỉ đem theo vài tiểu đồng.

Khi Nhật Duật đến nơi, người Mường dàn vây hai, ba lớp, giáo mác chia vào trong. Trần Nhật Duật điềm tĩnh đi thẳng vào, Giác Mật mời ngồi. Trần Nhật Duật am hiểu tiếng Mường cùng phong tục của họ, nên cùng ăn bốc và uống rượu bằng mũi với Giác Mật, người Mường rất lấy làm thích thú. Từ đó Giác Mật

cũng những động Mường khác quy thuận triều đình. Sau này khi xảy ra chiến tranh với quân Nguyên, những động Mường này đã góp công rất nhiều trong việc phục kích đánh đuổi quân giặc.

Để giữ mối quan hệ với nhà Nguyên, vào năm Tân Tỵ (1281), vua Trần cử người chú họ là Trần Di Ái cùng bọn Lê Mục, Lê Tuân sang sứ nhà Nguyên. Bọn Trần Di Ái đầu hàng nhà Nguyên, được Nguyên Thế Tổ phong cho làm “An Nam Quốc Vương”, Lê Mục làm Hàn Lâm học sĩ, Lê Tuân làm Thượng Thư. Nhà Nguyên lại tự ý đặt nước Đại Việt thành “An Nam Tuyên Úy Ty” lệ thuộc vào lãnh thổ Nguyên. Tháng 4 năm Nhâm Ngọ (1282), Nguyên Thế Tổ cho Bật Nhân Kha Nhi (Buyanimua) cùng Sài Xuân, Hốt Nha Khi (Khughe) làm Chánh, Phó “An Nam Tuyên Úy Sứ Đô Nguyên Soái”, đem 1 nghìn quân hộ tống Trần Di Ái về nước. Quân Nguyên bị quân ta đón đánh ở ải Nam Quan, Sài Xuân bị bắn mù một mắt, chạy trốn về Tàu. Bọn Trần Di Ái bị bắt, Ái bị đày làm lính ở Thiên Trường, Lê Tuân phải đờ làm Tổng binh (đạo binh của người Tống lưu vong ở Đại Việt).

Tháng 8 năm Nhâm Ngọ (1282), quan coi quân ở châu Lạng là Lương Uất báo về triều Hữu Thừa Tướng nước Nguyên là Toa Đô (Xoghetu) đem 50 vạn quân tinh nhuệ, nói phao là mượn đường và xin ta giúp lương để đi đánh Chiêm Thành. Thượng Hoàng triệu tập các vương hầu và bá quan văn võ, mở hội nghị ở bến Bình Than vào tháng 10 để bàn kế chống quân Nguyên. Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản và Hoài Nhân Vương Kiện đều còn trẻ tuổi nên không được họp bàn việc nước, Quốc Toản xấu hổ và tức giận, bóp nát quả cam đang cầm ở tay lúc nào không biết. Trần Quốc Toản về huy động gia nô và thân thuộc được hơn nghìn người, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, thêu trên cờ sáu chữ “Phá cường địch, báo hoàng ân” (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Khi đối trận với giặc, Quốc Toản thường tự mình xông lên trước quân sĩ, giặc trông thấy phải lui tránh.

Trong hội nghị Bình Than, các quan bàn là không nên nghịch ý quân Nguyên, nên cho mượn đường và giúp lương, chỉ có Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chủ chiến và xin đem quân đi trấn các nơi hiểm yếu.



Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư là một tướng tài, lúc trước đánh úp được quân Nguyên năm Đinh Ty (1257) nên được Thượng Hoàng Thánh Tông khen ngợi, nhận làm “Thiên Tử Nghĩa Nam” (con nuôi vua), nhưng sau có tội phải đồ làm thường dân đi bán than. Nhân lúc thuyền vua đậu ở bến Bình Than gặp thuyền chở than của Trần Khánh Dư, nhà vua cho gọi Khánh Dư về phục chức và cho dự việc nước.

Đầu năm Quý Mùi (1283), thủy quân của nhà Nguyên do Toa Đô chỉ huy xuất phát từ Quảng Châu, theo đường biển tấn công Chiêm Thành, bị thiệt hại nặng, phải rút về cố thủ ở cảng Chiêm Thành (nay là bờ biển Quy Nhơn). Vua Trần cử sứ bộ là Hoàng Ứ Lệnh và Nguyễn Chương sang nước Nguyên thăm dò tình hình, biết nước Nguyên đang chuẩn bị đưa 50 vạn quân sang đánh nước ta nên cho chuẩn bị đánh giặc. Tháng 10 phong Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn làm Quốc Công Tiết Chế, thống lĩnh quân đội toàn quốc, cử các tướng có tài chỉ huy đi nắm giữ các đơn vị.

Tháng 3 năm Giáp Thân (1284) quân Nguyên do Toa Đô chỉ huy từ cảng Chiêm Thành đánh lên, chiếm đóng vùng Ô Lý, Việt Lý (nay thuộc Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình), phối hợp với đạo quân phía Bắc mưu đồ đánh chiếm Đại Việt.

Sứ nhà Nguyên là Đào Bình Trực đem thư của Hốt Tất Liệt tới Thăng Long, đòi nước ta phải cấp lương cho quân Nguyên đang đóng ở Chiêm Thành, ta từ chối. Hốt Tất Liệt lấy cớ đó, huy động 50 vạn quân cùng những tướng giỏi, từng lập nhiều chiến công như Thoát Hoan, A Thích, A Lý Hải Nha và Lý Hằng sang đánh nước ta. Thoát Hoan là con Hốt Tất Liệt, được phong là Trấn Nam Vương, thống lĩnh đại quân, chia làm 2 cánh từ phía Bắc kéo xuống, phối hợp với đạo quân của Toa Đô từ Chiêm Thành ở phía Nam đánh lên, cùng tiến vào nước ta.

Triều đình ta sai Trần Phủ sang hành tỉnh Kinh Hồ (Hồ Quảng) nước Nguyên xin hoãn binh nhưng không kịp vì quân Nguyên đã động binh. Thoát Hoan sai sứ đem thư qua Đại Việt, trách hời vua Trần và bắt ta phải cấp lương thực cho quân Nguyên ở Chiêm Thành cùng buộc vua Trần phải thân đi đón Thoát Hoan. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nổi giận đuổi sứ Nguyên về, rồi

điều binh chuẩn bị chống giặc, chia quân đi trấn giữ các nơi hiểm yếu. Hưng Đạo Vương đem quân chủ lực lên trấn giữ vùng Lạng Sơn. Thượng Tướng Trần Quang Khải đóng quân ở Nghệ An để đề phòng quân Toa Đô.

Thượng Hoàng Trần Thánh Tông triệu tập phụ lão trong nước về kinh thành Thăng Long, đặt tiệc ở điện Diên Hồng để hỏi kế đánh giặc, tất cả đồng lòng quyết đánh. Khi nhắc đến Hội Nghị Diên Hồng, Sử Thần Ngô Sĩ Liên đã viết: "*Giặc Hồ vào cướp nước là nạn lớn của đất nước. Hai vua hiệp mưu (Thánh Tông và Nhân Tông), bày tôi họp bàn há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi ban yến hỏi kế ở các bậc phụ lão hay sao? Là vì Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân chúng, cũng để dân chúng nghe lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi. Đó là giữ được cái nghĩa người xưa nuôi người già để xin lời hay vậy*".

Lúc đó, quân Nguyên bắt đầu tiến quân. Một đạo quân theo ngã Khâu Ôn (Lạng Sơn), một đạo theo ngã Lộc Bình (Lạng Sơn) do Thoát Hoan chỉ huy. Hai đạo quân này tiến vào Đại Việt rất vất vả vì bị quân ta liên tiếp phục kích trên đường tiến binh. Quân Nguyên tiến đánh vào đại bản doanh Nội Bàng (Bắc Giang) để dụ Hưng Đạo Vương ra nhưng mưu không thành, chúng bố trí trận tuyến mới, chia quân ra thành 6 mũi tấn công vào cửa ải. Trận chiến xảy ra dữ dội, trước sức tấn công ồ ạt của địch, quân ta tổn thất nặng. Thủy quân Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn bị thua, định bỏ đường thủy rút theo lối chân núi, lúc ấy người gia nô theo hầu là Dã Tượng nói "*Yết Kiêu chưa thấy Đại Vương thì nhất định không rời thuyền*". Vương đến Bái Tân (thượng nguồn sông Lục Nam) thì thấy chỉ có thuyền của Yết Kiêu ở đó đứng đợi, vương mừng và cảm động cho tấm lòng trung nghĩa của Yết Kiêu, cùng nhau chèo thuyền lui về Vạn Kiếp (Hưng Yên) để chuẩn bị cuộc phản công và truy kích giặc. Nhân Tông thấy thế giặc mạnh, có ý muốn hàng để cứu dân nên hỏi ý Hưng Đạo Vương, vương khẳng khái trả lời: "*Bệ hạ vì lòng thương dân mà nghĩ như vậy, nhưng còn xã tắc và tôn miếu thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng, xin*



*chém đầu thần đi trước đã*". Thấy ý chí cương quyết và lời trung liệt của vương, nhà vua yên lặng.

Cánh quân của địch theo hướng Khâu Ôn chiếm được ải Chi Lăng. Tháng 1 năm Ất Dậu (1285), Ô Mã Nhi kéo quân tới đánh quân ta ở Vạn Kiếp và núi Phả Lại. Quân ta chống trả mãnh liệt, tiêu diệt rất nhiều quân giặc, nhưng trước thế giặc đông và mạnh, ta không cản được bước tiến của chúng nên phải rút lui khỏi căn cứ Vạn Kiếp, Phả Lại và Bình Than, rút về Thăng Long.

Sau khi chiếm được Vạn Kiếp và Phả Lại, quân giặc thừa thắng xông lên, đánh ra các vùng Vũ Ninh (Quế Võ, Bắc Ninh), tiến xuống Đông Ngạn (nay là Đông Anh thuộc Hà Nội), đến bên sông Hồng, đóng quân tại Đông Bộ Đầu. Giặc bắt được quân ta, thấy người nào cũng thích hai chữ "Sát Thát" (giết giặc Thát Đát) vào cánh tay nên tức giận, giết hại rất nhiều.

Quân ta từ các nơi rút về đóng quân ở phía Bắc sông Hồng và tổ chức một tuyến phòng ngự. Vua Trần Nhân Tông thân chinh chỉ huy trận đánh. Vua Trần sai Đỗ Khắc Chung sang gặp tướng Nguyên là Ô Mã Nhi, giả vờ xin hoà để dò xét tình hình giặc. Khi Đỗ Khắc Chung hoàn thành sứ mệnh, vừa từ trại Ô Mã Nhi về, vua Trần lập tức tấn công quân Nguyên trên bờ sông Hồng, cầm chân quân địch để bảo tồn cho quân và dân của ta rút khỏi kinh thành. Khi quân Nguyên tiến vào Thăng Long, thấy kinh thành trống rỗng, Thoát Hoan hoảng sợ, rút quân ra ngoài, đóng ở phía Bắc sông Hồng.

Quân của Trần Nhật Duật sau khi giao chiến với cánh quân Nguyên từ Vân Nam kéo xuống, rút về an toàn, đóng ở Bạch Hạc (Phú Thọ). Hưng Đạo Vương bàn xin Thượng Tướng Trần Quang Khải đem quân tăng viện chống giặc ở Nghệ An. Quân của Thượng Hoàng, vua Trần cùng Hưng Đạo Vương sau khi rút khỏi Thăng Long về Thiên Trường (Nam Định) và Trường Yên (Ninh Bình) đã chinh đồn lại để phản công. Hơn 1 nghìn chiếc thuyền của Quốc Tuấn trở về Vạn Kiếp để phòng thủ.

Vua Trần kéo quân ngược đường sông Hồng chuẩn bị tiến đánh Thoát Hoan, gặp quân Thoát Hoan ở sông Đại Hoàng (khúc sông Hồng chảy qua Lý Nhân - Hà Nam). Quân ta giao tranh với

địch, nhưng trước thế mạnh của quân Nguyên, ta rút khỏi Đại Hoàng, sau đó tiếp tục rút về Quảng Ninh rồi vào Thanh Hoá, nơi quân giặc vừa từ phía Nam đi lên. Đuổi theo vua Trần không được, Thoát Hoan cho quân về đóng ở Thăng Long và ra lệnh cho Toa Đô từ Trường Yên đem quân vào Thanh Hoá tấn công vua Trần.

Tháng 2 vua Thượng Hoàng sai đưa công chúa An Tư (em gái út Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan để hoãn việc binh. Quân ta đánh nhau với giặc ở bãi Đà Mạc, (nay là bãi Mạn Trù), Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng bị giặc bắt. Khi bị bắt, Bình Trọng không chịu ăn, giặc hỏi việc nước, vương không trả lời. Giặc dụ hàng cho làm vương đất Bắc, Bình Trọng thét to: "*Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không làm vương đất Bắc*", giặc thấy chiêu hàng không được nên đem đi giết. Vương là dòng dõi vua Lê Đại Hành, chông sau của công chúa Thụy Bảo, ông cha làm quan đời Thái Tông được ban quốc tính.

Lúc đó, Trần Ích Tắc là con thứ của Thượng Hoàng Thái Tông, từ lâu đã có mưu đồ tiếm ngôi vua, nay thấy quân Nguyên sang đánh, nên đem toàn gia quyến sang hàng giặc, được đưa về Trung Quốc và được Hốt Tất Liệt phong làm "An Nam Quốc Vương".

Quân của Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật và các tướng lĩnh đem binh thuyền ra Bắc đánh vào đồn A Lỗ gần chỗ sông Hồng và sông Luộc. Đây là cứ điểm đầu tiên của địch trên phòng tuyến sông Hồng. Tiếp theo đó, hàng loạt đồn trại khác của địch trên sông Hồng cũng lần lượt bị quân ta tấn công. Quân của Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão và Trần Quốc Toản tiến đánh vào chiến thuyền của giặc ở bến Chương Dương (cạnh sông Hồng, nay thuộc Thường Tín, Hà Tây) và Thăng Long, quân ta đánh hăng quá, quân giặc chống cự không nổi bỏ chạy.

Phạm Ngũ Lão là người làng Phù Ủng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hải Dương, có sức khoẻ lạ thường, văn võ toàn tài. Tổ tiên Ngũ Lão chỉ có nghề làm ruộng, đến đời Ngũ Lão mới theo Nho học. Thuở hàn vi, một hôm Ngũ Lão ngồi đan sọt bên cạnh đường, xảy có quân của Hưng Đạo Vương từ trại Vạn An về qua, quân tiền



đạo quát dẹp đường, Ngũ Lão không nghe thấy, điềm nhiên ngồi, quân lính lấy giáo đâm vào đùi nhưng thấy Ngũ Lão vẫn không cử động, Hưng Đạo Vương lấy làm lạ, cho người đến gọi, lúc ấy Ngũ Lão mới biết là quan quân đến. Hưng Đạo Vương hỏi tại sao quan quân gọi mà không trả lời, Ngũ Lão thưa rằng đang nghĩ một việc nên không biết. Vương lấy làm kỳ, hỏi đến việc học thì Ngũ Lão trả lời đầu vào đấy, vương biết là người tài, cho người lấy thuốc rịt đùi và cho theo về kinh dâng lên vua Thánh Tông. Triều đình trọng dụng, cho làm đại tướng. Ngũ Lão trị quân có kỷ luật, đối đãi với tướng sĩ như người nhà, cùng quân sĩ cam khổ với nhau nên quân của Ngũ Lão được gọi là “Phụ Tử Chi Binh”, đánh đâu được đấy.

Cuối tháng 4 quân ta chiếm lại được Thăng Long. Thoát Hoan tháo chạy, đóng quân ở bờ Bắc sông Hồng. Quân ta từ Thanh Hoá kéo ra, đánh tan quân giặc ở Trường Yên, Thoát Hoan cho rút quân, Hưng Đạo Vương và Trần Tung đem hơn 2 vạn quân đón đánh.

Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật tấn công địch ở Hàm Tử Quan, trong quân của Chiêu Văn Vương có cả người Tống. Số là trước kia khi nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thu nạp họ, nhận Triệu Trung làm gia tướng, cho họ ăn mặc quân phục và dùng cờ xí như quân Tống khi xưa, cùng quân ta đánh quân Nguyên. Quân Nguyên trông thấy đồn quân Tống này, tưởng là người Tống đã khôi phục được nước và sang giúp nên kinh hãi bỏ chạy. Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản cùng các tướng khác đánh giặc ở Chương Dương và Thăng Long, Thoát Hoan thua chạy đến sông Như Nguyệt (sông Cầu), bị quân của Trần Quốc Toản chặn đánh dữ dội. Trong trận này Trần Quốc Toản hy sinh. Quân Thoát Hoan chạy đến Vạn Kiếp (sông Thương chảy qua Vạn Kiếp) bị quân của Hưng Đạo Vương đánh tan.

Tàn quân của Thoát Hoan chạy về phía châu Thư Minh, đến Vĩnh Bình gặp quân phục kích của Hưng Vũ Vương Hiến (con Trần Quốc Tuấn). Thoát Hoan sợ phải chui vào ống đồng trốn, cho quân khiêng về nước.

Quân Toa Đô từ Thanh Hoá, không biết là Thoát Hoan đã thua trận, định kéo ra Thăng Long để hợp sức với Thoát Hoan. Vua Trần tiến đánh chém được đầu Toa Đô ở Tây Kết. Ô Mã Nhi và Lưu Khuê đi thuyền trốn thoát ra biển.

Sau khi đuổi tan quân Nguyên, triều đình, tướng sĩ và nhân dân trở về Thăng Long. Trong 6 tháng trời, quân Đại Việt đã đánh tan 50 vạn quân thiện chiến Nguyên Mông ra khỏi bờ cõi, giành lại độc lập cho giang sơn.

## PHÁ GIẶC NGUYÊN LẦN II

**S**au khi thua trận, tháng 1 năm Bính Tuất (1286) Hốt Tất Liệt bàn kế hoạch cùng duyệt danh sách các tướng tá để đánh Đại Việt trả thù, cho điều động 6 vạn quân của 3 tỉnh Triết Giang, Hồ Quảng và Giang Tây tập trung ở Tĩnh Quang (Quế Lâm, Quảng Tây) cùng ra lệnh cho đóng 300 chiếc thuyền để đánh Đại Việt. Vua Nguyên cử A Lỗ Xích, Ô Mã Nhi cùng đại tướng Trương Văn Hồ, điều động 50 vạn quân cùng 300 chiếc thuyền, đưa Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam Quốc Vương.

Triều đình cử sứ bộ Nguyễn Nghĩa Toàn đến kinh đô nhà Nguyên, nhưng sứ bộ này bị nhà Nguyên bắt giữ nên nhà vua cho chuẩn bị kháng Nguyên, Trần Quốc Tuấn được cử thống lĩnh toàn quân để chống giặc. Trong khi đó, tướng giỏi nhà Nguyên là A Lý Hải Nha, người đã từng cầm quân sang đánh Đại Việt bị ốm chết vào tháng 6 năm Bính Tuất (1286), Hốt Tất Liệt ra lệnh đình cuộc viễn chinh và cử sứ sang Đại Việt.

Tháng 2 năm Đinh Hợi (1287), nhà Nguyên điều động quân của Giang Hoài, Giang Tây, Hồ Quảng, Mông Cổ, Hán Nam, Vân Nam cùng quân của bốn châu ngòi biển đảo Hải Nam sang đánh Đại Việt. Trương Văn Hồ chở 70 vạn hộ lương theo đường biển đi tiếp ứng. Đồn quân này do Trần Nam Vương Thoát Hoan làm tiết chế, gồm có Áo Lỗ Xích, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp đi theo sang đánh Đại Việt.



Hưng Đạo Vương cho kiểm điểm quân số và luyện tập các quân đã được điều động cùng điều động thủy quân bố phòng ven biển Đông để đề phòng thủy quân của địch. Các quan bàn xin tuyển thêm quân, nhưng Trần Quốc Tuấn nói: "*Quân cần tinh, không cần nhiều*". Tháng 11 năm Đinh Hợi (1287), Thoát Hoan tiến quân đến biên giới, tiến đánh cửa Lãm Kinh. Quân ta dùng tên tằm thuốc độc bắn giết được rất nhiều quân giặc.

Cánh quân Nguyên từ Vân Nam đã đến Bạch Hạc đụng với cánh quân của Trần Nhật Duật, quân ta thiệt hại nặng. Ngày 22-11 quân Nguyên đến Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn cho quân đánh kèm chân giặc rồi rút lui để bảo tồn lực lượng.

Tháng 12 năm Đinh Hợi (1287) quân Nguyên vây đánh Vân Đồn do Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chỉ huy, quân ta bị thua. Thái Thượng Hoàng được tin, sai trung sứ xiềng Trần Khánh Dư về kinh để hỏi tội, Trần Khánh Dư xin khát lại hai, ba ngày để mưu lập công rồi sẽ về kinh chịu tội, trung sứ chấp thuận.

Trần Khánh Dư biết là tiền quân đi trước thì thế nào cũng có thuyền vận lương đi theo sau nên thu thập lại tàn quân, phục kích đợi giặc. Quả nhiên chẳng bao lâu đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ đến, Trần Khánh Dư cho quân tiến chiếm, đánh bại quân địch, thu được rất nhiều quân lương, khí giới cùng tù binh. Khánh Dư cho người mang thư phi ngựa về báo tin thắng trận, Thượng Hoàng tha cho tội trước, không hỏi đến nữa. Trận chiến thắng Vân Đồn này đã gây một thiệt hại rất lớn đối với quân địch.

Vì mất quân lương, Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi đốc quân đi cướp lương của quân ta, sai Trình Bàng, A Lý và Lưu Giang xây thành gỗ trên hai núi Phổ Lại và Chí Linh để giữ lương thực. Thoát Hoan chia quân tiến về Thăng Long, Phàn Tiếp đem quân hộ vệ theo sông Đuống. Quân ta lấp cửa sông Đuống, phục nơi rừng lá đánh, quân giặc bị thua, ta cũng rút lui để cho thuyền giặc tiến tới sông Hồng.

Cánh quân Nguyên đưa Trần Ích Tắc về nước, vừa đến cửa Nội Bàng thì bị quân ta chặn đánh tan.

Ngày 29, quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy vượt sông Hồng đánh vào Thăng Long, nhưng quân ta đã rút khỏi Thăng Long về các căn cứ dọc sông Hồng. Trong khi đó, quân ta chặn đánh địch ở ngòi cửa Đại Bàng (Hải Phòng), bắt được 300 thuyền đi tuần của quân Nguyên, giặc chết rất nhiều.

Quân Trần đóng ở dọc sông Hồng rút về Hạc Nam (Phố Hiến, Hưng Yên), Thoát Hoan cho đại quân đuổi theo, nhưng quân Trần rút ra biển, Thoát Hoan phải trở về Thăng Long.

Từ khi quân lương bị mất, quân Nguyên lâm vào tình thế nguy kịch vì bị thiếu lương nên bỏ Thăng Long rút về Vạn Kiếp để tính việc rút quân. Tháng 2 năm Mậu Tý (1288), Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đem thủy quân về trước có kỵ binh theo hộ tống, nhưng ta đã phá các cầu trên đường đi, kỵ binh phải theo lối khác mà về Vạn Kiếp. Vì mất kỵ binh hộ tống, lại bị quân ta phục kích nên Ô Mã Nhi vất vả mãi mới tới được tới được Trúc Động ở trên sông Giá. Ở Trúc Động, quân ta phục kích đánh cắt đứt đoàn quân đoạn hậu của Ô Mã Nhi.

Hưng Đạo Vương biết là thủy quân của Ô Mã Nhi sẽ rút theo hướng sông Bạch Đằng ra biển nên sai Nguyễn Khoái dẫn binh theo đường tắt đến mé thượng lưu sông Bạch Đằng, lấy gỗ đẽo nhọn bịt sắt đóng giữa lòng sông rồi phục binh chờ giặc. Vương lại sai Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa dẫn quân lên phục ở Nội Bàng (Lạng Sơn) để chờ giặc. Mọi việc vừa chuẩn bị xong thì được tin quân của Ô Mã Nhi đã về đến Bạch Đằng. Vương tập họp quân sĩ chuẩn bị đánh giặc, trở sông Hoá (một ngọn sông thuộc về sông Thái Bình, giáp giới Kiến An và Thái Bình) mà thề rằng: *“Trận này mà không phá xong giặc Nguyên thì thề sẽ không về đến sông này nữa”*. Quân sĩ thấy vậy, ai nấy cũng nức lòng đánh giặc, hướng sông Bạch Đằng mà tiến.

Khi thủy triều lên, Nguyễn Khoái cho thuyền như ra khiêu chiến, Ô Mã Nhi thúc thuyền đuổi theo. Nguyễn Khoái chờ cho quân giặc vừa qua khỏi chỗ đóng cọc thì quay ngược thuyền lại đánh giặc. Hai bên đang đánh hăng thì đại quân của Hưng Đạo Vương đến tiếp chiến, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp cự không lại, quay thuyền bỏ chạy. Khi đến khúc sông có đóng cọc thì thủy triều đã



xuống, thuyền quân Nguyên bị vướng cọc, đắm vỡ rất nhiều. Quân ta thừa thắng xông lên giết giặc, quân Nguyên chết rất nhiều, máu loang đỏ cả dòng sông. Thủy quân giặc Nguyên bị tan rã, bọn Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp và rất nhiều quân Nguyên bị ta bắt làm tù binh.

Thoát Hoan Nghe tin thủy quân bị tan, hoảng sợ dẫn bọn A Bát Xích, Trình Bằng Phi, Áo Lỗ Xích, Trương Quân, Trương Ngọc theo đường bộ trốn về Tàu, đến Nội Bàng bị quân của Phạm Ngũ Lão đổ ra đánh, các tướng cố sức bảo vệ Thoát Hoan, Trương Quân bị Ngũ Lão chém chết. Tàn quân của Thoát Hoan trốn chạy từ ải Nữ Nhi đến núi Kỳ Cáp, nơi nào cũng gặp phục binh của ta bắn tên độc và chặn đánh, giặc bị chết rất nhiều, A Bát Xích và Trương Ngọc tử trận, Trình Bằng Phi phải vất vả bảo vệ Thoát Hoan chạy ra Đan Kỳ, qua Lộc Châu trốn về Tư Minh (Trung Quốc).

Từ đây nước Đại Việt sạch bóng quân thù, triều đình định công luận tội, thưởng phạt các tướng sĩ trong trận phá quân Nguyên lần này và sai sứ sang Trung Quốc bàn về việc hoà hiếu.

Từ khi quân Thoát Hoan thua trận, nhà Nguyên tuy ngoài mặt chấp thuận hoà hiếu, nhưng trong lòng lúc nào cũng muốn cất binh sang báo thù nên cho sứ sang đòi vua Trần phải sang châu, Nhân Tông viện cố đang có tang không đi. Nhà Nguyên chuẩn bị quân lương định đưa bọn Trần Ích Tắc qua gây hấn Đại Việt lần nữa. Trong lúc đang sửa soạn thì Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt tử trần nên cho bãi binh. Từ đó về sau, nhà Nguyên không sang xâm chiếm nước ta nữa.

Trong ba trận đánh Nguyên Mông này, phần lớn công trận là nhờ tài chỉ huy xuất chúng và tinh thần một lòng vì nước quên thù nhà của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, người đã viết nên được những trang sử oai hùng cho dân tộc.

**Đ**ọc lại những trang sử trên để ta thấy được tinh thần bất khuất của tiền nhân trong công cuộc chống ngoại xâm đời Trần. Phải đối địch với đôn quân thiện chiến nhất thế giới thời

đó, cha ông ta đã hy sinh biết bao nhiêu xương máu để bảo tồn từng tấc đất mặc dù sự chênh lệch giữa lực lượng đôi bên cách nhau quá xa. Dân số Trung Quốc thời đó có khoảng 100 triệu người chưa kể dân số Mông Cổ và những nước bị nhà Nguyên chiếm, trong khi dân số Đại Việt chỉ khoảng 6 triệu. Hai lần quân Nguyên sang chiếm nước ta, chúng đem 50 vạn quân thiện chiến với nhiều tướng giỏi đã từng xông pha trận mạc khắp miền Âu, Á, trong khi quân ta lúc có nhiều binh tham trận nhất cũng chỉ có trên 20 vạn, chưa bằng một nửa quân địch.

Tuy biết lực lượng quá chênh lệch, nhưng trước sự hỗn xược của quân Mông Cổ khi cho sứ sang dụ hàng và bắt vua ta sang châu, vua Trần đã ba lần bắt giam sứ giả của địch, dù biết rằng khi hai nước giao tranh không bao giờ bắt sứ. Khi nhà Nguyên tự ý sát nhập lãnh thổ Đại Việt vào bản đồ hành chính của chúng, ta đã dạy cho chúng một bài học, đánh tan quân giặc ngay cửa ải Nam Quan khi chúng lăm le đưa quân vào bờ cõi Đại Việt.

Tinh thần dân tộc cao độ của quân dân đời Trần, từ những bậc vương tướng như Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Tuấn cho đến hạng nô bộc như Yết Kiêu, Dã Tượng, hoặc từ những bậc phụ lão hội ở điện Diên Hồng cho đến những thiếu niên trong đội nghĩa quân "Phá cường địch, báo hồng ân" đáng làm cho chúng ta suy gẫm.

Để tuyên dương và noi gương vị anh hùng dân tộc Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà đã tôn vinh Ngài làm Thánh Tổ của binh chủng. Vua Trần Nhân Tông (1279-1293) có để lại di chúc: *"Các người chớ quên nước lớn thường làm điều trái đạo. Họ muôn đời của ta là giặc phương Bắc (Trung Quốc). Họ không tôn trọng quy ước và biên giới. Luôn luôn bày đặt chuyện để gây hấn. Không thôn tính được thì gặm nhấm đất đai của ta. Vậy các người phải nhớ lời ta dặn. Một tấc đất cũng không để lọt vào tay kẻ thù. Đây là di chúc cho con cháu muôn đời."* Thực hiện lời di chúc của nhà vua, ngày 19 tháng 1 năm 1974, hộ tống hạm Nhật Tảo HQ-10 của Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà cùng 58 thủy thủ đoàn đã anh dũng vĩnh viễn đi vào lòng đại



dương khi tử chiến cùng hải quân Trung Cộng lúc chúng chiếm  
quần đảo Hoàng Sa.

Ngày nay trang sử cũ đang được lập lại, Trung Cộng đã sát  
nhập Hoàng Sa và Trường Sa vào bản đồ hành chính của chúng,  
bọn Trần Di Ái, Trần Ích Tắc tân thời đang cam tâm làm nô lệ  
dâng đất cho giặc, bao giờ chúng ta mới thấy được những Trần  
Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản v.v... đây? ●